

CÔNG TY CỔ PHẦN DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TRUE LOVE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TRUE LOVE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUE LOVE SOCIAL ENTERPRISE JOINT STOCK COMPAN

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108443896

3. Ngày thành lập: 25/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, ngách 73/26B, đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904244663

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ hoạt động nổ cát)	4390
2.	Bán buôn đồ uống	4633
3.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
4.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
5.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
6.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
7.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
11.	Khai thác gỗ	0220
12.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Dịch vụ đóng gói	8292

19.	Đào tạo thạc sỹ	8542
20.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
21.	In ấn	1811
22.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	1079
23.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
24.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
25.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sao chép bản ghi các loại	1820
28.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
29.	Xây dựng nhà để ở	4101
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
33.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
34.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
35.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
36.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
37.	Sản xuất đường	1072
38.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110
39.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
40.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
45.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
46.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
47.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

49.	Đào tạo trung cấp	8532
50.	Đào tạo tiến sỹ	8543
51.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
52.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
53.	Hoạt động thể thao khác	9319
54.	Chăn nuôi khác (trừ loại Nhà nước cấm)	0149
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
56.	Phá dỡ	4311
57.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
58.	Sản xuất rượu vang	1102
59.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
60.	Giáo dục nhà trẻ	8511
61.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
62.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
63.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
64.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
65.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
66.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
67.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
68.	Khai thác thuỷ sản biển	0311
69.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
70.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
71.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
72.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
73.	Bán buôn thực phẩm	4632
74.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
75.	Sản xuất giày, dép	1520
76.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
77.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
78.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
79.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
80.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Giáo dục mẫu giáo	8512
83.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

84.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
85.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
86.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
87.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
89.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
90.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
91.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
93.	Quảng cáo	7310
94.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)	2029
95.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
96.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
97.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
98.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
99.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
100.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
101.	Xây dựng nhà không để ở	4102
102.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
103.	Xây dựng công trình điện	4221
104.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
105.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
106.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
107.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
108.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
109.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
110.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
111.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
112.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
113.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
114.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

115.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
116.	Bán buôn tổng hợp	4690
117.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
118.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
119.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
121.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
122.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
123.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
124.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
125.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
126.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
127.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
128.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
129.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
130.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
131.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
132.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
133.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
134.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
135.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
136.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

137.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
138.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
139.	Xuất bản phần mềm	5820
140.	Hoạt động hậu kỳ	5912
141.	Hoạt động viễn thông khác	6190
142.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
143.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản; (Điều 74 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản; (Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
144.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
145.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
146.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
147.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
148.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
149.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
150.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
151.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
152.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
153.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán)	7490
154.	Cho thuê xe có động cơ	7710
155.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
156.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
157.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
158.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

159.	Đại lý du lịch	7911
160.	Điều hành tua du lịch	7912
161.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
162.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
163.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
164.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
165.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
166.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
167.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
168.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
169.	Giáo dục tiểu học	8521
170.	Đào tạo sơ cấp	8531
171.	Đào tạo cao đẳng	8533
172.	Đào tạo đại học	8541
173.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
174.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
175.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
176.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
177.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
178.	Lập trình máy vi tính	6201
179.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
180.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
181.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
182.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
183.	Chăn nuôi gia cầm	0146
184.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
185.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
186.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
187.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
188.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
189.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
190.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
191.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
192.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
193.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

194.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
195.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
196.	Trồng cây hàng năm khác (trừ loại Nhà nước cấm)	0119
197.	Trồng cây ăn quả	0121
198.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
199.	Trồng cây chè	0127
200.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
201.	Trồng cây lâu năm khác (trừ loại Nhà nước cấm)	0129
202.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
203.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
204.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Số 20, ngách 73/26B, đường Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	285.000	2.850.000.000	30,000	010050297	
			Tổng số	285.000	2.850.000.000	30,000		
2	ĐÀO THỊ THU THỦY	P406 – CT1B Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	285.000	2.850.000.000	30,000	031176000855	
			Tổng số	285.000	2.850.000.000	30,000		
3	LÊ THỊ MINH HẰNG	Số 214 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	40,000	011740532	
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ MINH HẰNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh:

Sinh ngày: 09/06/1974

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011740532

Ngày cấp: 18/02/2008 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 214 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 214 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội